

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 - KNTT

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ (%) điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - sai”			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	A. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp	Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp	2	1	1										2TN	1TN	1TN	10,0
2	B. Sử dụng bản đồ	1. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. 2. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống. Một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.		1		2	1	1		2					2TN	4TN	1TN	22,5
3	C. Trái Đất	1. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. 2. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	4							2				1	4TN	2TN	1TL	40,0
4	D. Thạch quyển	1. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Nội lực và ngoại lực.	2		1	2	1	1				1			4TN 1TL	1TN	2TN	27,5
Tổng số câu/lệnh hỏi			8	2	2	4	2	2		4		1		1	12TN 1TL	8TN	4TN 1TL	24TN 2TL
Tổng số điểm			2,0	0,5	0,5	1,0	0,5	0,5		2,0		1,0		2,0	4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

* Ghi chú:

- TN: Trắc nghiệm
- TL: Tự luận
- Dạng thức 1: Có 12 câu (lệnh hỏi) = 3,0 điểm (0,25 điểm/lệnh hỏi);
- Dạng thức 2: Có 2 câu (8 lệnh hỏi) = 2,0 điểm (trung bình 0,25 điểm/lệnh hỏi);
- Dạng thức 3: Có 4 câu (lệnh hỏi) = 2,0 điểm (0,5 điểm/lệnh hỏi);
- Tự luận: Có 2 câu = 3,0 điểm.

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 - KNTT

[illegible]

		vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. 2. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.	* Hiểu: - Tính được giờ và ngày của các địa phương trên thế giới. - Tính được số múi giờ khi cho kinh độ. * Vận dụng: - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.								2 (NL2)				
															1 (NL3)
4	D. Thạch quyển	1. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng. 2. Nội lực và ngoại lực.	* Biết: - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng. - Nêu được khái niệm thạch quyển. - Nêu được khái niệm, nguyên nhân tạo ra nội lực, ngoại lực.	1 (NL1)			2 (NL1)						1 (NL1)		
			* Hiểu: - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. - Trình bày được nguyên nhân hình thành nội lực và ngoại lực. - Trình bày tác động của nội lực, ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.					1 (NL2)							
			* Vận dụng: - Vận dụng thuyết kiến tạo mảng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.			2 (NL2)			1 (NL2)						
Tổng số câu/lệnh hỏi				8	2	2	4	2	2		4		1		1
Tổng số điểm				2,0	0,5	0,5	1,0	0,5	0,5		2,0		1,0		2,0
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

*** Mức độ:**

- Nhận biết: 16 câu (lệnh hỏi) = 4,0 điểm;
- Thông hiểu: 03 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm;
- Vận dụng: 05 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm.

*** Dạng thức câu hỏi và thang điểm:**

- Dạng thức 1: Có 12 câu (lệnh hỏi) = 3,0 điểm (0,25 điểm/lệnh hỏi);
- Dạng thức 2: Có 2 câu (8 lệnh hỏi) = 2,0 điểm (trung bình 0,25 điểm/lệnh hỏi);
- Dạng thức 3: Có 4 câu (lệnh hỏi) = 2,0 điểm (0,5 điểm/lệnh hỏi);
- Tự luận: Có 2 câu = 3,0 điểm.

*** Năng lực:**

NL1: Năng lực Nhận thức khoa học Địa lí; NL2: Năng lực Tìm hiểu Địa lí; NL3: Năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.